

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI ĐÀ NẴNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 555/2022/HS-PT

Ngày: 19 - 12 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Long

Các Thẩm phán: Ông Phạm Việt Cường

Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Mỹ Thảo, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2022 tại Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 541/2022/TLPT-HS ngày 08 - 11 - 2022; do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2022/HSST ngày 29/09/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Bị cáo có kháng cáo

1. Nguyễn Tiến D, sinh ngày 25 tháng 12 năm 1983, tại Hà Nội.

Nơi cư trú: tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: thợ sửa xe máy; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1960; con bà: Phạm Thị V, sinh năm 1963; vợ là Vũ Thị H, sinh năm: 1984; bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2009 nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án: 01 (Tại bản án số 12/2010/HS-ST ngày 10/03/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xử phạt 02 năm tù về tội: “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”); tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, giam từ ngày 02 tháng 01 năm 2021 cho đến nay; có mặt.

2. Đặng Đình Đ, sinh ngày: 16 tháng 06 năm 1983, tại tỉnh Nghệ An.

Nơi cư trú: tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Đình H, sinh năm

1954; con bà: Trần Thị T; sinh năm 1962; vợ là Trần Thị H, sinh năm: 1987; bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án; tiền sự: không; nhân thân: tại Bản án số 14/2010/HSST ngày 10/08/2010 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Kon Tum xử phạt 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” đã được xóa án tích; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28 tháng 4 năm 2022 cho đến nay; có mặt.

3. Phạm Văn H, sinh ngày 13 tháng 9 năm 1989, tại Hà Nội.

Nơi cư trú: thành phố Hà Nội, nghề nghiệp: lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H, sinh năm 1967; con bà: Đặng Thị V, sinh năm 1968; vợ là Lê Thị N, sinh năm: 1991 và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2012 nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án: không; tiền sự: 01 (Năm 2016 có hành vi đánh bạc bị Công an huyện M, thành phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.000.000 đồng); nhân thân: tại Bản án số 370/2009/HSST ngày 24/06/2009 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội xử phạt 26 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” đã được xóa án tích), bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06 tháng 01 năm 2021 cho đến nay; có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo*: Luật sư Phạm Thị Công Anh T – thuộc Văn phòng Luật sư Sài Gòn A và Cộng sự – Đoàn Luật sư tỉnh KonTum; địa chỉ: tỉnh Kon Tum; có mặt.

- *Bị hại*: Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1982; địa chỉ: tỉnh Kon Tum; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ 00 phút, ngày 30/12/2020, Nguyễn Tiến D đang ở nhà bạn tên Nguyễn Trần Lưu L, bị cáo gọi điện thoại cho Đặng Đình Đ, trú tại tỉnh Nghệ An đến chỗ D đi ăn sáng tại đường P, thành phố K. Ăn sáng xong, Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Air Blade mang biển kiểm soát 82B1- 632.47 chở D đi uống cà phê, khi đi đến ngân hàng X tỉnh Kon Tum. D đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, D đã bàn bạc với Đ để D đứng trước cổng ngân hàng X xem có ai rút tiền ra thì đi theo, lợi dụng sơ hở rồi trộm cắp, Đ đồng ý, D nói với Đ “*tao đứng ở khu vực nhà thờ Tân Hương quan sát trong ngân hàng nếu có ai rút tiền đi ra thì tao thông báo cho mày đi theo*” Đ nói: “*thế để tao về đón thằng H đi luôn*” D xuống xe gọi điện cho Phạm Văn H, trú tại thành phố Hà Nội, lúc này H đang ăn sáng tại đường L, thành phố K. D nói với H về việc trộm cắp tài sản và H đồng ý. D đi vào trong công viên nhà thờ Tân Hương đứng gần hàng rào đối diện với ngân hàng X chi nhánh tỉnh Kon Tum, để quan sát khu vực ngân hàng. Lúc sau, D nhìn thấy H điều khiển xe Win màu đỏ (không biển kiểm soát) đi ngang qua chỗ D đang đứng, đi về phía đường B.

Đến khoảng 09 giờ 00 phút cùng ngày, D nhìn thấy chị Nguyễn Thị Lê H, sinh năm 1982, trú tại: tỉnh Kon Tum, mặc áo khoác màu đỏ, quần màu đen, xách túi ni lông màu đỏ có chứa số tiền 600.000.000 đồng, chị H vừa rút từ ngân hàng và cất vào cốp xe mô tô biển kiểm soát 77H8-4833, đi từ trong Ngân hàng ra. Nên D đã điện thoại thông báo cho Đ đặc điểm nhận dạng của chị H để Đ đi theo trộm cắp tài sản. Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Air Blade mang biển kiểm soát 82B1-632.47 để bám theo chị H, đồng thời Đ vừa đi, vừa gọi điện thoại cho H và nói “*đi ra đường T đi với anh*” H điều khiển xe mô tô Win màu đỏ (không có biển kiểm soát) đi theo Đ. Chị H điều khiển xe mô tô đi trên đường T, P, đường N, và đi đến đường B để đổ xăng. Lúc này, H đi theo kịp Đ, nhìn thấy Đ đang đứng một mình ở Hồ T gần cây xăng, Đ nói H để lại xe mô tô của H, rồi qua xe của Đ chờ đi. Đ đổ xăng xong chị H đi ra đường T, đi theo đường T đến ngã tư T, T chị H đến Trường tiểu học T đón con gái, sau đó về nhà của mình tại địa chỉ 88/6 S. Chị H dựng xe trước cổng và đưa con gái đi vào trong nhà (không lấy tiền vào nhà cất). Lúc này Đ và H đi theo đến nhà chị H đứng cách chị H khoảng 25m theo dõi. H hỏi Đ: “*bây giờ làm như thế nào hay chờ?*” Đ hỏi lại H: “*có thấy xách đồ gì vào không?*” H trả lời: “*Không nhìn thấy do bị lấp cái tường*” Đ nói: “*làm thử đi lấy luôn cả xe*”. H xuống xe lấy vạm phá khóa mang theo trong người đi đến chỗ chiếc xe mô tô của chị H, dùng vạm phá khóa, phá khóa điện để trộm luôn cả xe. H đã dắt chiếc xe của chị H đến đường hẻm nơi Đ đang đứng khoảng cách là 25m, đề máy khởi động xe nhưng xe không nổ máy được. H dùng tay giật yên xe ra nhưng không được nên đã gọi Đ đến để cả hai cùng giật thì yên xe bung ra. H nhìn thấy trong cốp xe có một túi nylon màu đỏ, H liền lấy túi nylon màu đỏ ra, rồi lên xe của Đ để Đ chờ về phòng trọ, lúc ngồi sau xe Đ, H có mở túi nylon ra và nhìn thấy có nhiều tiền. Về đến phòng trọ của H tại đường Q, thành phố K, Đ cất chiếc xe mô tô vừa đi trộm cắp xong vào trong phòng trọ, Đ không tháo biển số 82B1-632.47 ra mà để nguyên trên xe. Lúc này, H mở túi nylon màu đỏ có chứa tiền đã trộm cắp được ra thì nhìn thấy có 02 cọc tiền (gồm: một cọc tiền có mệnh giá 100.000 đồng và một cọc tiền có mệnh giá 500.000 đồng), tổng số tiền là 600.000.000 đồng. H gọi điện cho D nói “*lấy được rồi, bắt taxi ra khỏi chỗ đó đi*”, H thu dọn quần áo và bỏ 02 cọc tiền vào trong một cái ba lô màu đen. D đi taxi đến gần phòng trọ của H, D gọi điện cho H và nói đang đứng ở đầu đường H, H và Đ đi bộ ra chỗ xe taxi D đang chờ, H và Đ lên xe rồi đi đến Hồ T trên đường B, H đưa cho D chìa khóa chiếc xe Win và chìa khóa phòng trọ rồi bảo D lấy xe Win về cất. D xuống xe taxi lấy xe Win đi đến quán nước gần Hồ T ngồi. H và Đ tiếp tục đi xe taxi đến trước cổng Khu công nghiệp Hòa Bình, thành phố K, tỉnh Kon Tum, rồi cả hai xuống xe, đón xe Bus đi xuống thành phố P, tỉnh Gia Lai. H và Đ thống nhất số tiền 600.000.000 đồng trộm cắp được sẽ chia làm 03 phần cho H, Đ và D mỗi người 200.000.000 đồng. Đến bến xe X, H mở ba lô ra đưa cho Đ 04 xấp tiền mệnh giá 500.000 đồng (tổng số tiền là 200.000.000 đồng) rồi Đ đi đón xe bỏ trốn. Sau đó, H gọi điện cho D và hẹn D gặp ở Gia Lai để nhận tiền. D mang xe Win về phòng trọ của H cất và đón xe đi đến bến xe X, Gia Lai gặp H. H lấy 03 xấp tiền mệnh giá 500.000 đồng và 05 xấp tiền mệnh giá 100.000 đồng (tổng số tiền là 200.000.000 đồng) đưa cho D. Sau khi có số tiền 200.000.000 đồng D đã đến gặp một người tên Luyện (không

rõ lai lịch) ở ngã ba H Lư, tỉnh Gia Lai để trả nợ số tiền 173.000.000 đồng mà D đã vay mượn trước đó. Trả tiền xong, D đi về thành phố K để chuộc lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Air Blade biển số 81B2- 478.70 số khung RLAHJF6324HZ167147, Số máy JF63E2200882 và giấy đăng ký xe mang tên Lê Thị Hồng Vân tại tiệm cầm đồ “Yên Bình” trên đường Nguyễn Sinh Sắc, với số tiền 18 triệu đồng, số tiền còn lại D tiêu xài cá nhân. Đến chiều ngày 31/12/2020 D đến phòng trọ của H, D đã tháo biển số 82B1- 632.47 đang gắn trên xe Air Blade của Đ ra rồi cắt vào cốp xe của D đang đi và D đã gắn lại vào xe Air Blade của Đ biển số 82B1- 753.21 là biển số giả. Sau đó, D đi về lại nhà bạn tên Nguyễn Trần Lưu L, trú tại phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum để ngủ. Sáng ngày 01/01/2021 D dùng tháo biển số 81B2-478.70 của chiếc mô tô Air Blade số khung RLAHJF6324HZ167147, Số máy JF63E2200882 của D đang đi ra và thay vào biển số 82B1-632.47 để sử dụng mục đích tránh sự kiểm tra của Công an giao thông, đến chiều tối cùng ngày D bị Cơ quan điều tra bắt giam giữ và khởi tố bị can.

Còn H, sau khi đưa tiền cho D đã đón xe thò đi đến nhà giữ xe của Bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai, lấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Future, BKS 81B2-635.97 mà H đã gửi trước đó, rồi điều khiển đi về thành phố N theo hướng đi tỉnh Đăk Lăk để bỏ trốn. Trên đường đi đến ngân hàng A chi nhánh huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai, H đã gửi tiền trộm cấp được vào 02 số tài khoản của H gồm: 01 số tài khoản ngân hàng A số 220520156960 với số tiền 140.000.000 đồng và 01 số tài khoản số 6610113091989 ngân hàng Quân đội với số tiền 50.000.000 đồng. Gửi tiền xong, H đi đến một nhà nghỉ ở tỉnh Đăk Lăk ngủ lại. Đến tối ngày 31/12/2020, H đến thành phố N và thuê khách sạn ngủ tại đây. Đến sáng ngày 02/01/2021 H đi đến C, tỉnh Khánh Hòa thuê phòng trọ, sau đó được Cơ quan Công an mời về làm việc và bị bắt giam giữ, khởi tố bị can.

Đối với Đặng Đình Đ sau khi được chia số tiền 200.000.000 đồng, trong số tiền 600.000.000 đồng trộm cấp được của chị H. Đ đã bỏ trốn vào thành phố Hồ Chí Minh. Cơ quan điều tra đã khởi tố bị can và ra Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với bị can Đ về tội trộm cắp tài sản. Do thời hạn điều tra vụ án đã hết, chưa bắt được bị can Đ. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy nã, ra Quyết định tách vụ án, tách bị can và ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án, tạm đình chỉ điều tra bị can đối với Đặng Đình Đ để xử lý sau khi bắt được. Nhưng đến ngày 28/04/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Kon Tum đã bắt được Đ trong khi đang lẩn trốn ở thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, vụ án đã được Cơ quan điều tra ra Quyết định phục hồi điều tra vụ án, phục hồi điều tra bị can và ra Quyết định nhập vụ án để tiếp tục điều tra làm rõ các hành vi phạm tội khác của các bị can trong vụ án.

Tại kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 25/3/2022 kết luận; Xe mô tô thứ nhất nhãn hiệu ATTILA VICTORIA, BKS 77H8-4833 trị giá là 3.300.000 đồng

[2] Tại bản án hình sự sơ thẩm số 34/2022/HSST ngày 28-9-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đã quyết định

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Tiến D, Đặng Đình Đ, Phạm Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 173; Điều 17; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến D 14 (Mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 02 tháng 01 năm 2021

Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 173; Điều 17; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Đặng Đình Đ 13 (Mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 28 tháng 4 năm 2022

Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 173; Điều 17; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Phạm Văn H: 12 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 06 tháng 01 năm 2021.

[3] Kháng cáo:

Ngày 05-10-2022 bị cáo Đặng Đình Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 07-10-2022 bị cáo Nguyễn Tiến D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 11-10-2022 bị cáo Phạm Văn H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm

Các bị cáo giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ý kiến của Luật sư bào chữa cho các bị cáo: đề nghị áp dụng cho các bị cáo tình tiết phạm tội chưa đạt quy định tại Điều 15 Bộ luật hình sự đối với hành vi phạm tội trộm cắp chiếc xe của chị H theo định giá là 3.300.000 đồng, đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử bị cáo H dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: tại giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận các kháng cáo, giữ nguyên hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo Nguyễn Tiến D, Đặng Đình Đ, Phạm Văn H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: các Cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Kon Tum đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về hành vi phạm tội:

Bị cáo Nguyễn Tiến D nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, nên chủ động trao đổi với Đặng Đình Đ về cách thức trộm cắp tài sản, sau đó Đ rủ thêm Phạm Văn H cùng thực hiện hành vi phạm tội, cụ thể: khi nhìn thấy chị Nguyễn Thị Lệ H vừa rút tiền từ ngân hàng X tay xách túi ni lông màu đỏ có chứa số tiền 600.000.000 đồng đi ra. D đã gọi điện thông báo cho Đ đặc điểm nhận dạng của chị H. Đ và H đã lên lút bám theo về đến nhà chị H đứng cách chị H 25m, thấy chị H dựng xe mô tô trước cổng và không lấy tiền trong cốp xe vào nhà cất bị cáo Đ đã nói bị cáo H phá khóa để trộm cắp luôn cả xe của chị H, do khởi động xe nhưng xe không nổ máy, nên bị cáo H đã dắt chiếc xe của chị H đến đường hẻm nơi Đ đang đứng đợi, cùng với Đ dùng tay giật bung yên xe ra để lấy số tiền 600.000.000 đồng chị H để trong cốp xe và để xe ở lại. Đối với hành vi dịch chuyển chiếc xe mô tô của chị H khởi nơi cất giữ tài sản với ý định trộm cắp luôn chiếc xe nhưng do xe không nổ máy nên bị cáo H và bị cáo Đ đã để lại chiếc xe ở hẻm gần nhà chị H, chỉ lấy số tiền 600.000.000 đồng trong cốp xe, sau khi lấy được số tiền 600.000.000 đồng, H, Đ, D chia nhau mỗi người được 200.000.000 đồng tiêu xài cá nhân. Do đó, cả ba bị cáo đều phải chịu trách nhiệm hình sự với hành vi trộm cắp chiếc xe của chị H theo kết luận định giá chiếc xe có giá trị 3.300.000 đồng, và số tiền trộm cắp 600.000.000 đồng. Hành vi phạm tội nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Trộm cắp tài sản*” với tổng giá trị tài sản là 603.300.000 đồng. Bản án sơ thẩm đã quyết định các bị cáo Nguyễn Tiến D, Đặng Đình Đ, Phạm Văn H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo

Các bị cáo Nguyễn Tiến D, Đặng Đình Đ, Phạm Văn H thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với số tiền 603.300.000 đồng; trong đó, bị cáo D đóng vai trò là người chủ mưu, khởi xướng, rủ rê; các bị cáo Phạm Văn H và bị cáo Đặng Đình Đ cùng thực hiện tội phạm và là người thực hiện tội phạm một cách tích cực. Sau khi lấy được số tiền mặt 600.000.000 đồng các bị cáo đã chia nhau mỗi người 200.000.000 đồng. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm chung đối với hành vi phạm tội.

Về tình tiết tăng nặng: bị cáo Nguyễn Tiến D: trước khi phạm tội bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích như bị cáo đã phạm một tội khác nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân xấu.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo đã tác động gia đình trả lại cho người bị hại tổng cộng số tiền 305.530.000 đồng (Trong đó, bị cáo D 85.530.000 đồng, bị

cáo Đ 20.000.000 đồng và bị cáo H 200.000.000 đồng) đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo H có ông Nội là người có công với cách mạng, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm đã xem xét tính chất, mức độ về hành vi phạm tội của mỗi bị cáo, áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo để xử các mức hình phạt phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Nguyễn Tiến D, Đặng Đình Đ không có tình tiết giảm nhẹ mới; riêng bị cáo Phạm Văn H được bị hại tiếp tục có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt, nhưng tình tiết này đã được bản án sơ thẩm áp dụng. Hơn nữa, các bị cáo đều có nhân thân xấu nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[4] Các quyết định khác còn lại của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[5]. Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn Tiến D, Đặng Đình Đ, Phạm Văn H, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Tiến D, Đặng Đình Đ, Phạm Văn H; giữ nguyên mức hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2022/HS-ST ngày 29-9-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

2. Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 173; Điều 17; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến D 14 (Mười bốn) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 02 tháng 01 năm 2021.

3. Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 173; Điều 17; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Đặng Đình Đ 13 (Mười ba) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 28 tháng 4 năm 2022.

4. Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 173; Điều 17; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H: 12 (Mười hai) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 06 tháng 01 năm 2021.

5. Các quyết định còn lại của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Việc thi hành án theo quyết định của Bản án sơ thẩm.

6. Về án phí: các bị cáo Nguyễn Tiến D, Đặng Đình Đ, Phạm Văn H mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng (*hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19- 12- 2022./.

Nơi nhận:

- Vụ I-Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum ;
- Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum ;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum;
- Công an tỉnh Kon Tum;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Kon Tum;
- Bị cáo (TTG tổng đạt cho bị cáo);
- Đại diện hợp pháp bị hại;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án (ĐTT-...).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Long